

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 25

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Hủ tiếu mực, su su, rau tần ô, củ cải, nấm bào ngư, cà ri hạt
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng - Thịt heo kho thơm - Canh khoai từ nấu tôm khô
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Phở nấu thịt gà, bông cải xanh, cải ca ron, cà rốt

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	250	3,140	7,850
2	0494	Đường cát	100	3,780	3,780
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	N0755	Hủ tiếu	300	4,290	12,870
9	0632	Mực ống	300	36,650	109,950
10	0180	Su su	200	3,260	6,520
11	0095	Cải cúc (tần ô)	100	6,300	6,300
12	0103	Củ cải trắng	200	2,730	5,460
13	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
14	N0861	Dầu màu điều	30	42,900	12,870
15	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	700	21,320	149,240
16	N0770	Thịt nạc dăm	600	19,110	114,660
17	0226	Khóm (Dứa ta)	500	2,940	14,700
18	0030	Củ từ (khoai từ)	800	4,940	39,520
19	0426	Tôm khô	50	78,100	39,050
20	0158	Rau húng	50	11,870	5,935
21	0645	Bánh phở khô	200	8,800	17,600
22	N0772	Thịt ức gà	300	12,920	38,760
23	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	200	8,610	17,220
24	0172	Rau xà lách	100	5,040	5,040
25	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
26	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,410	3,205
27	0457	Sữa bột toàn phần	575.8	19,500	112,281

28	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	800	14,750	118,000
Tổng cộng					925,001

Tổng tiền thực phẩm	925,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	925,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	11,507,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	11,507,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan